TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 65/2018/HS-ST Ngày 14 tháng 06 năm 2018	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN - TỈNH SƠN LA

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà:* Bà Phạm Thị Thanh Nga

- *Các hội thẩm nhân dân:*

Bà Hoàng Thị Thu – NguY giáo viên, Phó Ban tuY giáo Huyện ủy

Bà Trịnh Thị Thái - Chủ tịch hội liên hiệp phụ nữ thị trấn Hát Lót.

- *Thư ký ghi biên bản phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Thu Huế – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 49/2018/HSST ngày 30 tháng 3 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2018/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2018 đối với các bị cáo:

Lò Văn Đ. Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 10 tháng 9 năm 1987, tại huyện S, tỉnh Sơn La. Nơi đăng ký HKTT và nơi ở: Bản P, xã P1, huyện S, tỉnh Sơn La. Tạm trú tại bản W, xã Chiềng Chung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Nghề nghiệp: Lao động tự do Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Thái. Tôn giáo: Không. Chức vụ, đảng phái đoàn thể: Không. Con ông: Lò Đại V và bà Cao Thị S. Có vợ là Cầm Thị Y. Có 02 con sinh năm 2009 và sinh năm 2013. Tiền án: Không. Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/12/2017, giam tại nhà tạm giữ công an huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

Lò Duy N. Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 09 tháng 12 năm 2000, tại huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Nơi đăng ký HKTT và nơi ở: Bản Z, xã Mường Chanh, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Nghề nghiệp: Học sinh. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Thái. Tôn giáo: Không. Chức vụ, đảng phái, đoàn thể: không. Con ông Lò Văn KH và bà Hoàng Thị H1. Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án: không. Tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ 09 ngày từ ngày 19/12/2017 đến ngày 28/12/2017 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh. Có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Lò Duy N: ông Lò Văn KH và bà Hoàng Thị H1. Cùng trú tại: Bản Z, xã Mường Chanh, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. (bố mẹ đẻ của bị cáo Lò Duy N). Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Lò Duy N: ông Lò Văn KH. Trú tại: Bản Z, xã Mường Chanh, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Cầm Thị Y, sinh năm: 1988; Tú quán: Bản P, xã P1, huyện S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người làm chứng:

Lường Văn M. Sinh năm 1998. Trú tại: Bản Phúc Lợi, xã Mường Chanh, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Sồng A M1. Sinh ngày 29/7/2000. Trú tại: Bản Pá Ban, xã Phiêng Pằn, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Hoàng Văn M2. Sinh năm: 1966. Trú tại: Bản P, xã Chiềng Ve, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Quàng Văn M3. Sinh năm 1995. Trú tại: Bản P, xã Chiềng Ve, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 18.12.2017 Lò Văn Đ đi bộ đến phòng trọ của Lò Duy N và Lò Văn M thuê tại bản Áng, xã Chiềng Ban, huyện Mai Sơn ăn tối. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày Đ nảy sinh ý định đi mua ma tuý về sử dụng, Đ cầm theo số tiền 3.500.000 VNĐ đi bộ ra đường quốc lộ 4G và đi theo đường quốc lộ hướng đi xã Chiềng Mai, huyện Mai Sơn, khi đi được khoảng 100m Đ gặp một người đàn ông dân tộc Mông không quen biết, khoảng 35 tuổi đang đứng ở lề đường. Đ hỏi mua hồng phiến, người đàn ông nói còn 83 viên, giá 40.000 VNĐ/viên, Đ lấy 3.320.000 VNĐ đưa cho người đàn ông, người đàn ông nhận tiền và lấy từ trong túi quần ra 01 gói được quấn bên ngoài bằng băng dính màu đen đưa cho Đ, Đ không mở ra kiểm tra mà cầm ở tay phải đi về nhà trọ của N. Trên đường về, Đ đã mua nước uống và thuốc lá hết số tiền còn lại. Khi về đến phòng trọ của N, lúc này có N, M và Sồng A M1 đang ngủ trên giường, Đ mở gói hồng phiến ra thì thấy lớp tiếp theo được gói bằng mảnh nilon màu xanh bên trong chứa 83 viên hồng phiến, Đ lấy 05 viên hồng phiến rồi dùng mảnh giấy bạc gói lại quấn bên ngoài bằng mảnh nilon màu hồng nhặt trong phòng rồi cất vào trong túi áo khoác đang mặc, số hồng phiến còn lại Đ gói lại như ban đầu rồi gọi N dậy, Đ nói với N: "cầm hộ anh gói này" rồi Đ đưa cho N 01 gói màu đen. N cầm trên tay nắn thấy bên trong chứa ma tuý hồng phiến (N đã sử dụng nhiều lần nên biết), do muốn sử dụng hồng phiến nên N đã đồng ý cầm hộ Đ. Lúc này Lò Văn M đã tỉnh dậy và nhìn thấy việc Đ đưa ma tuý cho N nhưng M không biết là gói gì. N cầm gói ma tuý trong lòng bàn tay phải và tiếp tục ngồi nói chuyện với Đ và M. Sau đó có Quàng Văn M3, Hoàng Văn M2 đến phòng trọ của Đ ngồi chơi nói chuyện. Khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày thấy tổ Công tác đến kiểm tra thì N đã cất gói hồng phiến vào vị trí dưới đệm trên giường, khi tổ công tác yêu cầu có ma tuý thì tự giác giao nộp. Đ và N đã tự giác giao nộp số hồng phiến và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Kiểm tra thu giữ của Lò Duy N số tiền 60.000 VNĐ; của Lò Văn Đ số tiền 9.180.000 VNĐ và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37FW màu hồng kèm theo 01 sim.

Ngày 19.12.2017 Cơ quan CSĐT Công an huyện Mai Sơn tiến hành bóc mở niêm phong, cân tịnh, trích rút mẫu giám định đối với số ma túy thu giữ của Lò Văn Đ và Lò Duy N. Kết quả:

Tổng trọng lượng 77 viên nén màu hồng và 01 viên nén màu xanh nghi là ma tuý tổng hợp trong gói ma tuý thu giữ của Lò Duy N là 7,42 gam, trích rút 0,48 gam (05 viên nén màu hồng) ký hiệu M1 làm mẫu giám định; 0,09 gam (01 viên nén màu xanh) ký hiệu M2 làm mẫu giám định. Tang vật còn lại là 6,85 gam, ký hiệu T.

Tổng trọng lượng 05 viên ném mầu hồng trong gói vật chứng thu giữ khi bắt quả tang có tổng trọng lượng là 0,47 gam, trích rút toàn bộ, ký hiệu M3 làm mẫu giám định.

Ngày 21.12.2017 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La ra bản kết luận giám định số 93/KLMT, kết luận:

"Mẫu gửi giám định ký hiệu M1, M2, M3 đều là chất ma túy; Mẫu ký hiệu M1, M2: loại chất Methamphetamine. Mẫu ký hiệu M3: Loại chất Heroin; Trọng lượng của mẫu gửi giám định là M1 = 0,48 gam, M2 = 0,09 gam; M3=0,47 gam.

Tổng trọng lượng chất ma tuý thu giữ là 7,89 gam; Loại chất ma tuý Methamphetamine."

Tại phiên toà bị cáo Đ, N đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

Bản cáo trạng số 24/CT-VKS ngày 29/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn đã truy tố các bị cáo Đ, N về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Sau khi kết thúc phần thẩm vấn, đại diện Viện kiểm sát trình bày lời luận tội đối với bị cáo và đã giữ nguY quan điểm truy tố các bị cáo theo cáo trạng và đề nghị hội đồng xét xử:

- TuY bố các bị cáo Lò Văn Đ và Lò Duy N phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm n khoản 1 Điều 48, Điều 53, Điều 30 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009: xử phạt bị cáo Lò Văn Đ từ 30 (ba mươi) đến 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo Đ từ 3.000.000VNĐ đến 5.000.000VNĐ để sung công Nhà nước.

Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 53, Điều 69, Điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009: xử phạt bị cáo Lò Duy N từ 22 (hai mươi hai) đến 26 (hai mươi sáu) tháng tù giam. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng: áp dụng khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì thư do Phòng kỹ thuật hình sự công an Sơn

La phát hành, bên trong chứa vỏ bao bì niêm phong tang vật ban đầu đã bị bóc mở và tang vật còn lại 6,85gam.

Tạm giữ để bảo đảm thi hành án 01 điện thoại di động hiệu oppo A37FW màu hồng, kèm theo 01 sim và 9.180.000đ thu giữ của Lò Văn Đ. 60.000đ thu giữ của Lò Duy N.

Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo là 200.000VNĐ.

Bị cáo Lò Văn Đ và Lò Văn N tự bào chữa: N trí với nội dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện hợp pháp và người bào chữa cho bị cáo N có ý kiến: N trí với nội dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Tuy nhiên bị cáo N còn nhỏ tuổi, chưa thực sự hiểu biết chín chắn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo N ở mức thấp N. Gia đình hứa sẽ giáo dục, giúp đỡ bị cáo N tránh xa con đường phạm tội, trở thành người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Mai Sơn, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong quá trình điều tra, truy tố, và tại phiên tòa hôm nay không có người nào có ý kiến hoặc khiến nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Xét hành vi của các bị cáo thì thấy rằng: Lò Văn Đ và Lò Duy N (sinh ngày 09 tháng 12 năm 2000 là người chưa thành niên) là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 18.12.2017 Lò Văn Đ đã mua trái phép 3.320.000VNĐ Methamphetamine (hồng phiến) mục đích tàng trữ để sử dụng . Sau khi mua được ma tuý Đ đã chia thành hai gói và đưa cho Lò Duy N giữ hộ một gói. Cùng ngày, tổ công tác Công an huyện Mai Sơn , tỉnh Sơn La bắt quả tang thu giữ của N 7,42 gam Methamphetamine và của Đ 0,47 gam Methamphetamine.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 13 giờ 40 phút ngày 18.12.2017, biên bản mở niêm phong, cân tịnh, trích rút mẫu giám định và niêm phong lại vật chứng; phù hợp với kết luận giám định số 107/KLMT ngày 26/12/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Sơn La, phù hợp với biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung đối với các bị cáo... và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Qua tranh luận tại phiên tòa không có gì mâu thuẫn.

Như vậy đã có đầy đủ cơ sở kết luận các bị cáo Đ, N đã phạm vào tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Viện kiểm sát truy tố và tòa án xét xử bị cáo về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự là chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai cho bị cáo. Điều luật quy định:

Điều 194 BLHS năm 1999 quy định: ***Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt trên:***

"1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.;"

Xét thấy tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, Hội đồng xét xử thấy rằng: hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý các chất ma tuý, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, với lỗi cố ý. Bị cáo Đ nhờ bị cáo N là người chưa thành niên cầm hộ ma túy đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự xúi dục người chưa thành niên phạm tội được quy định tại điểm n khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Tuy nhiên khi lượng hình cũng cần xem xét các tình tiết: Quá trình điều tra và tại phiên toà ngày hôm nay các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 sẽ được Hội đồng xét xử xem xét áp dụng đối với các bị cáo khi lượng hình.

Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Đây là vụ án có đồng phạm ở thể giản đơn. Lò Văn Đ là người trực tiếp mua 7,89 gam ma tuý, sau đó Đ chia số ma tuý mua được và nhờ Lò Duy N (là người chưa thành niên) cất giữ hộ một phần số ma tuý trên Đ giữ vai trò chính trong vụ án. Lò Duy N biết rõ gói Lò Văn Đ nhờ cất giữ hộ Methamphetamine (hồng phiến) có trọng lượng là 7,42 gam, mục đích cất giữ hộ là để được Đ cho sử dụng. Do vậy Lò Duy N phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò là người thực hành giúp sức trong vụ án.

Trong vụ án này, bị cáo N phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, nhận thức có phần hạn chế. Bị cáo sẽ được Hội đồng xét xử xem xét áp dụng quy định tại Điều 69, Điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian N định tương xứng với tính chất, vai trò của từng bị cáo trong vụ án mới có tác dụng cải tạo giáo dục đối với các bị cáo, đồng thời mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo Đ một số tài sản có giá trị. Tuy nhiên qua quá trình xét hỏi xác định đây là thu nhập chung của gia đình. Do vậy, cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Đ mức phạt là 3.000.000VNĐ. Đối với bị cáo N là người

chưa thành niên, chưa có thu nhập, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo N.

Về xử lý vật chứng: Toàn bộ số ma túy còn lại sau khi trừ trích rút giám định là chất độc dược cấm lưu hành và 01 phong bì niêm phong tang vật ban đầu không còn giá trị sử dụng sẽ được tịch thu tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

Đối với 9.180.000đ và 01 điện thoại di động hiệu OPPO thu giữ của Lò Văn Đ. Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã xác định số tiền trên do Đ lao động mà có mục đích là để sử dụng sinh hoạt chung của cả gia đình, không liên quan đến việc phạm tội của bị cáo. Trong đơn đề nghị và tại phiên tòa chị Cầm Thị Y cũng xác định số tiền do anh Đ đi làm là nguồn thu nhập chính của gia đình. Chị mong muốn được nhận lại số tiền trên để nuôi con. Vì vậy, HĐXX sẽ không tịch thu sung công số tài sản thu giữ của Lò Văn Đ mà cần được tạm giữ để bảo đảm thi hành khoản tiền phạt bổ sung và án phí đối với bị cáo. Số tiền 60.000đ thu giữ của Lò Văn N cũng không liên quan đến việc phạm tội của N, cần tạm giữ để bảo đảm thi hành một phần án phí hình sự sơ thẩm.

Về nguồn gốc số ma túy Lò Văn Đ khai mua của người đàn ông dân tộc Mông, không biết họ tên , tuổi, địa chỉ, quá trình trao đổi không ai biết, chứng kiến nên Cơ quan điều tra Công an huyện Mai Sơn không có cơ sở để điều tra xác minh.

Đối với Lường Văn M, Hoàng Văn M2, Quàng Văn M3, Sồng A M1 là người có mặt tại phòng trọ của Lò Văn Đ. Quá trình điều tra xác định M, M2, M3, M1 không biết việc Lò Văn Đ, Lò Duy N tàng trữ trái phép chất ma tuý, do đó không đặt vấn đề xử lý đối với M, M2, M3, M1.

Đối với Vũ Đức S là chủ nhà Lò Duy N thuê trọ. Quá trình điều tra xác định Sinh không biết việc các đối tượng sử dụng phòng trọ để tàng trữ, sử dụng ma tuý, do đó không đặt vấn đề xử lý đối với S.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

TuY bố các bị cáo Lò Văn Đ, Lò Duy N phạm tội: "Tàng trữ trái phép chất ma tuý".

1. Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm n khoản 1 Điều 48, Điều 53, Điều 30 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009): xử phạt bị cáo Lò Văn Đ 34 (ba mươi tư) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 19.12.2017).

Phạt bổ sung bị cáo Lò Văn Đ số tiền 3.000.000VNĐ để sung công quỹ Nhà nước.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 53, Điều 69, Điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009: xử phạt bị cáo Lò Duy N 22 (hai mươi hai) tháng tù. Đươc khấu trừ 09 ngày tạm giữ. Thời gian chấp hành hình phạt được tính kể từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lò Duy N.

3. Về vật chứng: áp dụng khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì thư do Phòng kỹ thuật hình sự công an Sơn La phát hành, bên trong chứa vỏ bao bì niêm phong tang vật ban đầu đã bị bóc mở và tang vật còn lại 6,85gam.

Tạm giữ để bảo đảm thi hành án 01 điện thoại di động hiệu oppo A37FW màu hồng, kèm theo 01 sim và 9.180.000VNĐ thu giữ của Lò Văn Đ, số tiền 60.000VNĐ thu giữ của Lò Duy N.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo là 200.000VNĐ.

Báo cho các bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuY án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mai Sơn;
- Công an huyện Mai Sơn;
- Thi hành án dân sự Mai Sơn;
- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà

Phạm Thị Thanh Nga